

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/2026/ANPHA

**I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm**

- Tên tổ chức, cá nhân: HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO AN PHÚ HÀ NỘI.
- Địa chỉ: Tổ 17, Thôn Phú Yên, Xã Hương Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 0879200000.
- E-mail:
- Mã số doanh nghiệp: 0111271090
- Số Giấy chứng nhận HACCP: VCB0549.4C1

Ngày Cấp: Ngày 24 tháng 01 năm 2026. Nơi cấp: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VINACAB (đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

**II. Thông tin về sản phẩm**

- Tên sản phẩm: TRÀ SÁNG CHÙA HƯƠNG
- Thành phần: lá sáng 65%, bancha 20%, gạo lứt huyết rồng 5%, tâm sen 5%, cam thảo 5%.
- Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng từ ngày sản xuất
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
  - Chất liệu bao bì: được đóng bằng túi lọc, đựng trong hộp giấy đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế
  - Quy cách đóng gói: 10 túi trà/hộp; 15 túi trà/hộp; 20 túi trà/hộp; 25 túi trà/hộp; 30 túi trà/hộp.
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:



- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-3: 2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: Tiêu chuẩn cơ sở số TCCS 01:2026/ANPHU cho sản phẩm TRÀ SẮNG CHÙA HƯƠNG.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 25 tháng 01 năm 2026  
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



CHỦ TỊCH HĐQT  
KIỂM GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Anh Đức*



**HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO AN PHÚ HÀ NỘI**  
Địa chỉ: Tổ 17, Thôn Phú Yên, Xã Hương Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: 0879200000

**CÔNG BỐ TIÊU CHUẨN CƠ SỞ**  
**TCCS 01:2026/AN PHU**  
(Ban hành lần 01)

**SẢN PHẨM TRÀ SÁNG CHÙA HƯƠNG**

**Hà Nội – 2026**



## 1. Lời nói đầu

TCCS 01:2026/ANPHU do HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO AN PHÚ HÀ NỘI xây dựng và áp dụng cho sản phẩm TRÀ SẮNG CHÙA HƯƠNG.

Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 01:2026/ANPHU được ban hành kèm theo Quyết định số 01/2026/QĐCB ngày 20 Tháng 12 năm 2025 của Chủ tịch HĐQT HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO AN PHÚ HÀ NỘI.

## 2. Tài liệu viện dẫn

Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

## 3. Nguyên liệu

Nguyên liệu bao gồm: lá sáng 65%, bancha 20%, gạo lứt huyết rồng 5%, tâm sen 5%, cam thảo 5%..

## 4. Yêu cầu về chất lượng - an toàn thực phẩm

### 4.1. Cảm quan

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mức công bố
1	Màu nước pha	-	Màu đặc trưng cho sản phẩm
2	Mùi	-	Thơm đặc trưng cho sản phẩm
3	Vị	-	Đặc trưng cho sản phẩm

### 4.2. Chỉ tiêu chất lượng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mức tối đa
1	Độ ẩm	%	10,0

### 4.3. Yêu cầu về kim loại nặng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mức tối đa
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	1,0
2	Asen (As)	mg/kg	1,0
3	Chì (Pb)	mg/kg	2,0



4	Thủy ngân	mg/kg	0,05
---	-----------	-------	------

#### 4.4. Yêu cầu về vi sinh vật

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	$1 \times 10^6$
2	Coliforms	CFU/g	$1 \times 10^3$
3	Tổng số bào tử nấm men-nấm mốc	CFU/g	$1 \times 10^4$
5	<i>Salmonella</i>	CFU/25g	Không được có

#### 5. Hướng dẫn sử dụng

Cho 1 gói trà vào cốc hoặc ấm trà, đổ 200ml nước sôi, ủ trà trong 3-5 phút rồi sử dụng.

#### 6. Bao gói, ghi nhãn, bảo quản, cảnh báo

##### 6.1. Bao gói

Sản phẩm TRÀ SẼNG CHÙA HƯƠNG được đóng gói bằng túi lọc, đựng trong hộp giấy đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế, giữ được chất lượng trong thời gian bảo quản và lưu hành.

##### 6.2. Ghi nhãn

Ghi nhãn phải đúng với các qui định hiện hành tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

##### 6.3. Bảo quản

Nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

##### 6.4. Cảnh báo

- Không sử dụng sản phẩm hết hạn hoặc bao bì không còn nguyên vẹn
- Hạn sử dụng: 24 tháng từ ngày sản xuất

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2025

**ĐẠI DIỆN HỢP TÁC XÃ**

(Ký tên, đóng dấu)



**CHỦ TỊCH HĐQT  
KIỂM GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Anh Thư*





**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Mã số hợp tác xã: 0111271090

Đăng ký lần đầu, ngày 3 tháng 11 năm 2025

**1. Tên hợp tác xã:**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: **HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO AN PHÚ HÀ NỘI**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài: **AN PHU HA NOI HIGH-TECH AGRICULTURAL COOPERATIVE**

Tên hợp tác xã viết tắt: **HTX NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO AN PHÚ HÀ NỘI**

**2. Địa chỉ trụ sở chính:** Tổ 17, Thôn Phú Yên, Xã Hương Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0879200000 Fax:

Email: Website:

**3. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng)

**4. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:**

Họ và tên: **NGUYỄN ANH THƯ** Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 11/12/1966 Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001166010914

Địa chỉ liên lạc:

**CÔNG CHỨNG**  
**BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Ngày: 10-11-2025  
Số chứng thực: 67797 Quyển số: 4 SCT/BS

TRƯỞNG PHÒNG



TRƯỞNG PHÒNG

*Trần Mạnh Lương*



CÔNG CHỨNG VIÊN

*Phạm Thị Thu Nga*

# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## / Certificate of Analysis



Xuất bản / ref.: PPT25z053202-h5CD468 Ngày / Date: 17/12/2025

Nơi / người gửi mẫu / Customer information

**HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO AN PHÚ HÀ NỘI**

Tổ 17, thôn Phú Yên, xã Hương Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thông tin mẫu thử nghiệm / Sample information:

SP25z0532-02

Tên mẫu thử / name: Trà Lá Sắng

Nơi sản xuất / mfr: HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO AN PHÚ HÀ NỘI

Địa chỉ: Tổ 17, thôn Phú Yên, xã Hương Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số lô / LOT no.: 012025

Ngày sản xuất / mfg.: 01/12/2025

Hạn sử dụng / exp.: 01/12/2027

Ngày tiếp nhận / receipt date: 5/12/2025

Thời gian lưu mẫu / Storage time: Không có mẫu lưu

Ngày thử nghiệm / test date: 5/12/2025 - 16/12/2025

Mô tả / desc.:

Mẫu đóng trong túi, trên túi dán thông tin mẫu

- Xem kết quả ở trang tiếp theo / See the results on the following page -

**Ghi chú / Note:**

KPH: Không phát hiện / Not detected.

LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection.

LOQ: Giới hạn định lượng / Limit of quantification.

IRDOP: Chỉ tiêu được thực hiện tại IRDOP / Parameters conducted by IRDOP.

EX: Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ / Parameters conducted by subcontractors.

VS: Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 / Accredited per ISO/IEC 17025:2017.

TĐC: Chỉ tiêu được công nhận đánh giá sự phù hợp theo NĐ 107/2016/NĐ-CP / Accredited per Decree 107/2016/ND-CP.

Thông tin mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp / Sample information provided by the customer.

Kết quả chỉ có giá trị với mẫu thử / The results are only valid for the tested sample(s).



# PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## / Certificate of Analysis

Xuất bản / ref.: PPT25z053202-h5CD468 Ngày / Date: 17/12/2025

STT / No.	Phép thử / Tests	Kết quả / Test result	Đơn vị / Unit	Phương pháp / Protocol	Phạm vi công nhận / Accreditation scope
1.	Thủy Ngân (Hg)	KPH (LOD: 0,004)	ppm	TCVN 7993:2009	IRDOP VS
2.	Chì (Pb)	KPH (LOD: 0,006)	ppm	TCVN 8126:2009	IRDOP VS
3.	Natri (Na)	50,05	mg/100g	HDPP392-KN (Ref: SMEWW 3111B: 2017, TCVN 9556-2:2013, TCVN 10916: 2015, TCVN 1537:2007)	IRDOP
4.	Cadmi (Cd)	KPH (LOD: 0,0005)	ppm	TCVN 8126:2009	IRDOP VS
5.	Asen (As)	KPH (LOD: 0,007)	ppm	TCVN 7770:2007	IRDOP VS
6.	Độ ẩm	7,66	%	HDPP086-KNTP	IRDOP VS
7.	Tro toàn phần (chất khoáng tổng số)	7,23	%	HDPP087-KNTP	IRDOP
8.	Tro không tan trong acid	2,68	%	TCVN 5612:2007	IRDOP
9.	Hàm lượng chất béo tổng số (Lipid)	1,51	g/100g	TCVN 8136:2009	IRDOP
10.	Hàm lượng Carbohydrate	14,15	g/100g	10 TCN 514:2002	IRDOP VS
11.	Năng lượng	116,47	kcal/100g	AOAC 971.10 AOAC 979.07	IRDOP
12.	Protein	11,57	g/100g	TCVN 8125: 2015	IRDOP VS
13.	Tổng số nấm men, nấm mốc	KPH (LOD:10)	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	IRDOP VS
14.	Coliforms	KPH (LOD:10)	CFU/g	TCVN 6848:2007	IRDOP VS
15.	Salmonella spp.	KPH (eLOD <sub>50</sub> :5)	CFU/25g	TCVN 10780-1:2017	IRDOP VS
16.	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	3,1×10 <sup>2</sup>	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	IRDOP VS


**TRƯỞNG PHÒNG KIỂM NGHIỆM**  
**PHÒNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG / Quality Assurance Manager**
  
 Trần Thị Lan

**KHI VIÊN TRƯỞNG**  
**PHÓ VIÊN TRƯỞNG / Vice President**  
  
 Nguyễn Bá Xuân Trường
